

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT XUÂN ĐỈNH**

**ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP SƠ ĐỒ NGŨ NGHĨA
VÀO VIỆC GIẢNG DẠY TIẾNG ANH 10
SÁCH GLOBAL SUCCESS**

Lĩnh vực/ Môn: Ngoại ngữ

Cấp học: Trung học Phổ thông

Tên Tác giả: Trịnh Mai Anh

Đơn vị công tác: THPT Xuân Đỉnh

Chức vụ: Giáo viên

NĂM HỌC 2022-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN**Kính gửi:** Hội đồng khoa học ngành Giáo dục và Đào tạo

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tên sáng kiến
Trịnh Mai Anh	06/01/1999	THPT Xuân Đình	Giáo viên	ĐH	Ứng dụng phương pháp sơ đồ ngữ nghĩa vào việc giảng dạy Tiếng Anh 10 sách Global Success

- Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh

- Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu hoặc áp dụng thử

Từ 10/10/2022 đến 4/3/2023

- Mô tả bản chất của sáng kiến

Từ vựng đóng một vai trò quan trọng trong việc học ngôn ngữ của người học tiếng Anh, nên việc dạy và học từ vựng đã và đang nhận được sự quan tâm lớn. Trong sáng kiến này, các tài liệu liên quan đến tầm quan trọng của việc dạy và học từ vựng cũng như ba khía cạnh chính của từ vựng sẽ được thảo luận. Khái niệm về sơ đồ ngữ nghĩa và các bước để lập sơ đồ cũng sẽ được thảo luận kỹ lưỡng. Từ đó, việc áp dụng phương pháp này để tạo điều kiện cho việc dạy và học từ vựng tốt hơn cùng những ưu nhược điểm trong quá trình áp dụng cũng sẽ được đưa ra.

- Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:

+ Đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy môn Tiếng Anh

Tâm huyết với nghề, thương yêu, gần gũi, quan tâm tới tất cả các đối tượng học sinh; không ngừng học hỏi, tìm tòi, tích lũy kinh nghiệm từ đồng nghiệp, qua các hội thảo, sinh hoạt chuyên đề trong tổ chuyên môn; nắm chắc chương trình, dạy sát đối tượng, lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp với đối tượng học sinh và từng dạng bài.

+ Đối với học sinh

Cần có ý thức học tốt, hứng thú với môn học, mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp; chủ động hợp tác, chia sẻ với bạn trong nhóm, trong lớp.

- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả

+ Đối với học sinh

Với việc ứng dụng sơ đồ ngữ nghĩa, học sinh có thể dễ dàng hiểu và ghi nhớ các từ. Bên cạnh đó, học sinh cơ hội để sử dụng kiến thức từ vựng trước đây của các em thông qua sơ đồ ngữ nghĩa, vì vậy các em cảm thấy an tâm, chuẩn bị sẵn sàng hơn, và từ đó học sinh có thể tham gia tích cực hơn vào lớp học cũng như tích cực hơn trong quá trình học tập. Điều này cũng có khả năng làm giảm sự nhàm chán trong lớp học và giúp học sinh cảm thấy có động lực hơn để học từ vựng mới.

+ Đối với giáo viên

Sơ đồ ngữ nghĩa giáo viên đánh giá về kiến thức sẵn có của học sinh hoặc sự sẵn có của sơ đồ về chủ đề được chọn. Bằng cách này, giáo viên có thể nắm bắt tốt hơn về khả năng học tập của học sinh và có thể áp dụng các phương pháp giảng dạy khác nhau để giúp học sinh tiến bộ.

Tôi xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2023

Người nộp đơn


Trịnh Mai Anh

TRƯỜNG THPT XUÂN ĐÌNH
HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

Họ tên tác giả: Trịnh Mai Anh

Tên đề tài: Ứng dụng phương pháp sơ đồ ngữ nghĩa vào việc giảng dạy Tiếng Anh
10 sách Global Success
Lĩnh vực: Tiếng Anh

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa
1	Sáng kiến có tính mới	
1.1	Hoàn toàn mới, được áp dụng đầu tiên	26
1.2	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ khá	
1.3	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ trung bình	
1.4	Không có tính mới hoặc sao chép từ các giải pháp đã có trước đây	
Nhận xét: Sáng kiến phát hiện, xây dựng được nội dung và đưa ra được phương pháp phù hợp và có cải tiến so với giải pháp trước đây giúp nâng cao được hiệu quả giảng dạy.		
2	Sáng kiến có tính áp dụng	
2.1	Có khả năng áp dụng trong phạm vi toàn ngành hoặc rộng hơn	26
2.2	Có khả năng áp dụng trong đơn vị và có thể nhân ra một số đơn vị có cùng điều kiện	
2.3	Có khả năng áp dụng trong đơn vị	
2.4	Không có khả năng áp dụng trong đơn vị	
Nhận xét: Mang tính khả thi, có khả năng ứng dụng cho nhiều đơn vị có cùng điều kiện để giúp những tiết học đa dạng và giúp học sinh có cảm hứng học tập.		
3	Sáng kiến có tính hiệu quả	
3.1	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội, có tính lan tỏa	28
3.2	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội	
3.3	Có hiệu quả, lợi ích phù hợp với mức độ phù hợp tại đơn vị	
3.4	Không có hiệu quả cụ thể	
Nhận xét: Sáng kiến giúp kích thích tư duy, sự chủ động và sáng tạo trong học tập của học sinh. Tuy vậy, sáng kiến này cần được ứng dụng nhiều hơn vào các bài học.		
4	Điểm trình bày	
4.1	Trình bày khoa học, hợp lý	10
4.2	Trình bày chưa khoa học, chưa hợp lý	
Nhận xét: Toàn bộ nội dung được trình bày hợp lý, khoa học, có sử dụng các phương pháp để phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát được mục tiêu, vấn đề nêu ra.		
Tổng cộng: 90		Đánh giá: ☒ Đạt (≥ 70 điểm) ☐ Không đạt

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN CƠ SỞ



HIỆU TRƯỞNG
Lê Ngọc Hoa

5
MỤC LỤC

MỤC LỤC	5
PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ	6
1. Lý do chọn đề tài	6
2. Mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài	7
3. Phạm vi nghiên cứu	7
PHẦN II: NỘI DUNG	8
1. Cơ sở lý luận	8
1.1. Từ vựng	8
1.2. Các khía cạnh của từ vựng	8
2. Thực trạng	9
3. Giải pháp, biện pháp - Sơ đồ ngữ nghĩa để học từ vựng	9
3.1. Sơ đồ ngữ nghĩa là gì?	9
3.2. Các bước trình bày sơ đồ ngữ nghĩa	10
3.3. Thuận lợi của phương pháp đối với việc học từ vựng theo Sách giáo khoa tiếng Anh Global Success	11
3.4. Ứng dụng sơ đồ ngữ nghĩa vào việc ôn tập từ vựng trên lớp theo chủ đề theo SGK Tiếng Anh 10 Global Success	12
3.5. Ứng dụng sơ đồ ngữ nghĩa trong quá trình trước và sau khi đọc	15
3.6. Ứng dụng sơ đồ ngữ nghĩa vào việc ôn tập từ vựng tại nhà	18
4. Đánh giá thực nghiệm sư phạm	21
PHẦN 3: KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ	23
1. Kết luận	23
2. Kiến nghị	23
TÀI LIỆU THAM KHẢO	24

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lý do chọn đề tài

Trong vài thập kỷ qua, nhiều học giả đã thảo luận và đưa ra quan điểm về tầm quan trọng của việc giảng dạy từ vựng. Cameron (2001), Harmon, Wood & Keser (2009) cũng như Linse (2005) cho rằng từ vựng được coi là một trong những khía cạnh kiến thức của ngôn ngữ và đóng một vai trò quan trọng trong việc dạy và học ngôn ngữ. Nation (2001) cũng cho biết thêm rằng từ vựng có ý nghĩa quan trọng đối với tất cả các kỹ năng ngôn ngữ, bao gồm nghe, nói, đọc và viết. Một số học giả thậm chí còn khẳng định rằng việc dạy từ vựng là *cốt lõi hay trái tim của ngôn ngữ* (Lewis, 1993). Cụ thể hơn, nếu như việc thiếu ngữ pháp dẫn đến việc người đọc khó có thể diễn đạt ý của mình, thì người nói không thể truyền đạt bất cứ điều gì nếu thiếu đi từ vựng (Wilkins, 1972). Do đó, thiếu kiến thức từ vựng cơ bản sẽ cản trở học sinh trong việc nghe hiểu người khác đang truyền đạt điều gì hoặc khiến học sinh gặp khó khăn trong việc xây dựng ý tưởng của riêng mình. Điều này có khả năng dẫn đến sự giao tiếp không thành công trong những tình huống thực tế. Mặt khác, vốn từ phong phú giúp học sinh truyền đạt ý tưởng một cách chính xác và sinh động thay vì lặp lại (Burton, 1985).

Việc giảng dạy từ vựng truyền thống thường liên quan đến việc giáo viên giải thích từ vựng cho học sinh hoặc yêu cầu học sinh tra từ trong từ điển, viết định nghĩa của từ và sử dụng từ trong câu (Basurto, 2004). Mặc dù phương pháp này sẽ phù hợp với các lớp có quy mô lớn và trình độ thấp, nhưng có những vấn đề khác nhau sẽ nảy sinh liên quan đến phương pháp này. Vấn đề nổi bật nhất là sự nhàm chán, dẫn đến việc học sinh thiếu đi động lực học tập (Brown, 2001). Để giải quyết vấn đề này, cần có các phương pháp mới mẻ hơn và khác đi so với các phương pháp truyền thống. Một trong số đó chính là *sơ đồ ngữ nghĩa*.

Có rất nhiều bài viết xoay quanh phương pháp *sơ đồ ngữ nghĩa*, nhưng hầu hết đều tập trung vào việc tổng hợp các tài liệu liên quan đến định nghĩa, ưu điểm và nhược điểm của phương pháp này. Một số ít các học giả đã cố gắng xây dựng cách kết hợp sơ đồ ngữ nghĩa trong các lớp học tiếng Anh để hỗ trợ việc giảng dạy từ vựng, tuy nhiên các hoạt động còn chưa đa dạng. Vì vậy, sáng kiến này viết ra nhằm cung cấp một số cách chi tiết để giáo viên có thể áp dụng phương pháp này vào bài dạy từ

vững cho học sinh lớp 10 môn Tiếng Anh theo chương trình giáo dục phổ thông mới.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài

- Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ theo yêu cầu của Đề án Ngoại Ngữ Quốc Gia 2020.

- Giúp giáo viên có thêm phương pháp giảng dạy từ vựng thay cho các phương pháp giảng dạy từ vựng truyền thống, qua đó, giáo viên có thể giúp học sinh rèn luyện kỹ năng tự học tập và ghi nhớ từ vựng tại nhà

- Giúp học sinh hệ thống lại toàn bộ kiến thức từ vựng sau mỗi unit và làm tốt các bài kiểm tra.

3. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trong thời gian từ ngày 10/10/2022 đến ngày 4/3/2023. Đề tài tập trung vào các ứng dụng của phương pháp sơ đồ ngữ nghĩa áp dụng vào việc dạy và học từ vựng của học sinh lớp 10D3 trường THPT Xuân Đình - Hà Nội theo bộ sách Global Success của NXB Giáo dục Việt Nam. Nội dung của những bộ sách khác sẽ không được nhắc đến trong sáng kiến này. Bên cạnh đó, đề tài tập trung vào các ứng dụng của sơ đồ ngữ nghĩa trong việc dạy và học từ vựng, nên các ứng dụng liên quan đến các thành phần ngôn ngữ khác cũng sẽ không được đề cập.

PHẦN II: NỘI DUNG

1. Cơ sở lý luận

1.1. Từ vựng

Có rất nhiều khái niệm khác nhau về *từ vựng* được đưa ra. Hornby (1987) giải thích rằng *từ vựng là tổng số từ (với các quy tắc kết hợp chúng) mà tạo nên ngôn ngữ*. Đồng quan điểm với Hornby, Ur (1996) cũng như Barcroft (2004) đã định nghĩa từ vựng là tất cả các từ khác nhau trong một ngôn ngữ. Theo Lessard-Clouston (2013), một từ vựng có thể là một từ đơn, một từ ghép của hai hoặc ba từ, đơn vị từ vựng được ghép bởi nhiều từ hoặc thậm chí là thành ngữ. Các cụm từ có cách sử dụng rõ ràng và có mang tính khuôn mẫu với nhiều hơn một từ được gọi là các cấu trúc khuôn mẫu (Alali & Schmitt, 2012). Những cụm từ này vô cùng quan trọng đối với việc dạy từ vựng tiếng Anh, đòi hỏi giáo viên phải cân nhắc kỹ lưỡng khi giảng dạy từ vựng (Lewis, 1993).

Tóm lại, đối với sáng kiến này, từ vựng có thể hiểu là toàn bộ các từ trong một ngôn ngữ, từ đơn giản đến phức tạp và cả những từ phức tạo nên các đơn vị từ vựng có nghĩa.

1.2. Các khía cạnh của từ vựng

Khi nói đến việc dạy từ vựng, hình thái, ý nghĩa và cách sử dụng là ba khía cạnh quan trọng mà giáo viên cần xem xét. Hình thái của một từ, theo Nation (2001), bao gồm thể nói (phát âm), thể viết (cách viết), và tiền tố, gốc cũng như hậu tố tạo nên hình thái của một từ. Mặt khác, ý nghĩa của từ liên quan đến khái niệm và các mục từ vựng mà nó đề cập đến, cũng như các liên tưởng mà mọi người có nghĩ đến về một từ hoặc cụm từ nhất định. Đối với việc sử dụng từ, một từ vựng liên quan đến các chức năng ngữ pháp của từ hoặc cụm từ đó, các cụm từ phổ biến có liên quan và bất kỳ giới hạn nào đối với việc sử dụng nó về mặt tần suất, mức độ và các yếu tố khác. Để hỗ trợ học sinh tích lũy kiến thức về từ và cụm từ, giáo viên nên hướng dẫn các em học bất kỳ và tất cả các thành phần khác nhau này để nâng cao kiến thức và cách sử dụng từ vựng tiếng Anh của các em.

2. Thực trạng

Theo phân phối chương trình hiện nay, môn tiếng Anh 10 mỗi tuần gồm có 3 tiết học và gần như tiết học nào cũng sẽ có từ vựng mới trong cả bài học và bài tập. Điều này dẫn đến khối lượng từ mà học sinh cần học là rất lớn. Điều này có thể trở thành một gánh nặng lớn cho các em học sinh, gây ảnh hưởng đến động lực học của các em cũng như các tiết học sau đó. Thông thường học sinh học từ vựng bằng cách đọc từ bằng tiếng Anh và cố nhớ nghĩa bằng tiếng Việt, hoặc viết từ trong vở cũng chỉ là để đối phó với giáo viên, chứ chưa có ý thức tự kiểm tra lại mình, để khắc sâu từ mới và vốn từ sẵn có. Vì thế cho nên, các em rất mau quên và dễ dàng lẫn lộn giữa từ này với từ khác. Do vậy, nhiều học sinh đâm ra chán học và bỏ quên. Bên cạnh đó, về phía học sinh, cũng rất khó khăn trong việc kiểm tra hoặc hướng dẫn các em tự học ở nhà. Xuất phát từ những thực tế trên, tôi chọn đề tài ***Ứng dụng phương pháp sơ đồ ngữ nghĩa vào việc giảng dạy Tiếng Anh 10 sách Global Success*** để chia sẻ phương pháp tôi đã ứng dụng thành công vào trong chương trình dạy tiếng Anh trung học phổ thông.

3. Giải pháp, biện pháp - Sơ đồ ngữ nghĩa để học từ vựng

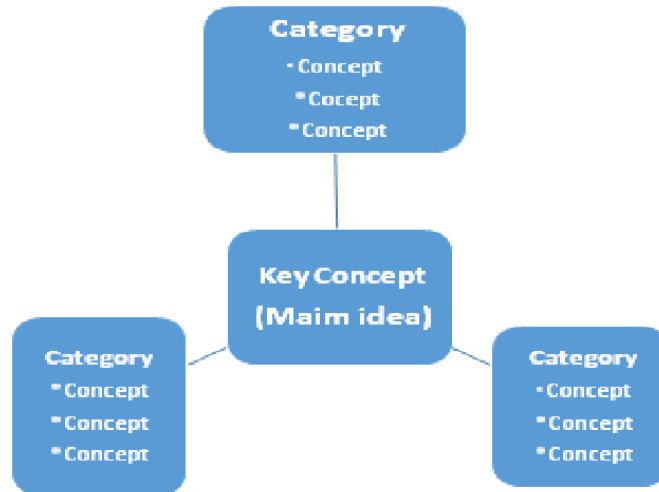
Nhằm giải quyết những vấn đề hiện hữu, sau đây tôi xin trình bày giải pháp sơ đồ ngữ nghĩa mà tôi đã thực hiện ở lớp 10D3 trường THPT Xuân Đinh trong năm học 2022-2023.

3.1. Sơ đồ ngữ nghĩa là gì?

Trong khi Sinatra, Stahl-Gemake và Berg (1984) mô tả *sơ đồ ngữ nghĩa* là một *sự sắp xếp hình họa thể hiện các ý chính và mối quan hệ trong văn bản hoặc giữa các nghĩa của từ*, thì Johnson, Pittelman và Heimlich (1986) lại coi đó là một *cấu trúc phân loại thông tin dưới dạng hình họa*. Tương tự, theo Nation (1990), phương pháp này có thể được định nghĩa là việc xây dựng *một sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các từ vựng do giáo viên gợi ý, do người học đóng góp và tìm thấy trong một bài đọc*. Tóm lại, *sơ đồ ngữ nghĩa* là quy trình hình thành một minh họa hình họa, trong đó kiến thức mới được tích hợp vào kiến thức cũ. Ngoài ra, trong sơ đồ này, các từ, khái niệm hoặc ý tưởng có các đặc điểm tương tự được liệt kê trong các danh mục để hiển thị trực quan mối quan hệ ngữ nghĩa của chúng.

Cấu trúc của một sơ đồ ngữ nghĩa có thể được thể hiện qua Hình 1 bên dưới.

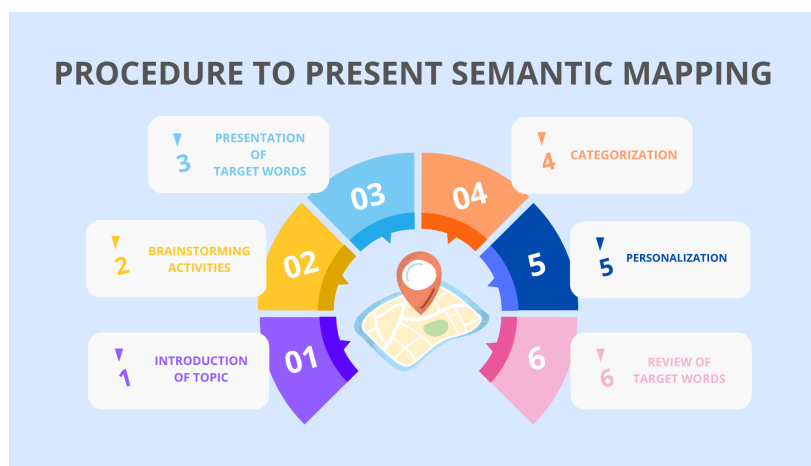
Hình minh họa này bao gồm một khái niệm chính, hoặc ý tưởng chính làm trung tâm, được bao quanh bởi các khái niệm được nhóm lại liên quan đến khái niệm chính. Bằng cách này, các mối quan hệ ngữ nghĩa giữa các khái niệm trung tâm và các khái niệm phụ được hiển thị một cách sinh động.



Hình 1: Cấu trúc của sơ đồ ngữ nghĩa

3.2. Các bước trình bày sơ đồ ngữ nghĩa

Có một số cách để xây dựng sơ đồ ngữ nghĩa. Theo Gunning (1992) và Johnson và Pearson (1984), có sáu bước chính cần được thực hiện để trình bày sơ đồ ngữ nghĩa. Đầu tiên, giáo viên nên giới thiệu chủ đề chính bằng cách viết một từ khóa, khái niệm, thuật ngữ hoặc chủ đề liên quan đến bài tập trên một tờ giấy, bảng đen hoặc một slide trống. Thứ hai, giáo viên sẽ tiến hành bước tiếp theo, đó là hoạt động động não, trong đó giáo viên sẽ khuyến khích học sinh nghĩ ra càng nhiều từ liên quan đến từ khóa hoặc chủ đề đã chọn càng tốt. Tại thời điểm này, giáo viên sẽ trình bày những từ mục tiêu mà học sinh chưa biết. Sau đó, giáo viên hướng dẫn học sinh phân loại các từ họ đã liệt kê và đặt tên cho từng nhóm. Trong bước tiếp theo, học sinh có thể cá nhân hóa sơ đồ bằng cách thêm các từ hoặc các mục khác vào sơ đồ. Cuối cùng, cho mục đích ôn tập, giáo viên sẽ kiểm tra và đảm bảo rằng học sinh nắm được nghĩa của các từ mục tiêu và có thể sử dụng chúng.



Hình 2: Quy trình thực hiện sơ đồ ngữ nghĩa

3.3. Thuận lợi của phương pháp đối với việc học từ vựng theo Sách giáo khoa tiếng Anh Global Success

Sách Tiếng Anh 10 Global Success được phát triển theo Chương trình Quốc gia mới và được tuyên bố là tuân thủ giáo trình dựa trên chủ đề. Cuốn sách này bao gồm 10 unit, với mỗi unit bao gồm một chủ đề khác nhau (**Bảng 1**). Hơn nữa, tất cả các unit được tổ chức thành 8 phần, bao gồm Getting started, Language, Reading, Speaking, Listening, Writing, Communication and Culture và Looking back and Project.

UNIT	ENGLISH 10
1	Family life
2	Humans and the environment
3	Music
4	For a better community
5	Inventions
6	Gender equality
7	Viet Nam and International Organisations
8	New ways to learn

9	Protecting the environment
10	Ecotourism

Bảng 1: Topic trong SGK Tiếng Anh 10

Vì cuốn sách được cấu trúc theo chủ đề nên từ vựng của mỗi đơn vị cũng sẽ bám theo từng chủ đề. Vì vậy, việc sử dụng ảnh sơ đồ ngữ nghĩa sẽ có lợi cho việc dạy từ vựng cho học sinh lớp 10 vì phương pháp này sẽ giúp học sinh ôn tập kiến thức đã học cũng như học thêm từ vựng mới liên quan đến từng chủ đề. Ngoài ra, học sinh có thể chủ động đóng góp từ ngữ vào sơ đồ ngữ nghĩa. Điều này làm nổi bật vai trò tích cực của họ trong lớp, đây sẽ là một hoạt động phù hợp cho phương pháp dạy học giao tiếp.

3.4. Ứng dụng sơ đồ ngữ nghĩa vào việc ôn tập từ vựng trên lớp theo chủ đề theo SGK Tiếng Anh 10 Global Success

Đối với việc ứng dụng sơ đồ ngữ nghĩa vào việc phát triển từ vựng theo chủ đề, tôi đã thực hiện theo những bước như sau:

1. Chọn một từ hoặc chủ đề liên quan đến bài học trên lớp.
2. Liệt kê các từ trên bảng phấn hoặc một bảng biểu đồ lớn.
3. Khuyến khích học sinh nghĩ ra càng nhiều từ càng tốt có liên quan đến từ khóa đã chọn, sau đó đặt tên các mục cho các từ trên một tờ giấy.
4. Học sinh chia sẻ về các danh sách từ đã được chuẩn bị, sau đó tất cả các từ sẽ được viết trên sơ đồ theo các danh mục khác nhau.

VIII LOOKING BACK

Pronunciation

Listen and mark the stressed syllables in the following words. Then read them out.

perform

concert

final

singer

famous

enjoy

Vocabulary

Complete the text using the words in the box.

artists

music

concerts

instrument

fans

Our class survey revealed some surprising results about the students' (1) ____ habits. Most of them did not hesitate to say that they love music because they find it relaxing. Their favourite music is K-pop and British or American pop music as they are big (2) ____ of Korean and American (3) _____. Fourteen out of twenty students play a musical (4) _____ and most of them practise between one and three hours a week. Going to (5) _____ is usually popular among teenagers, but only eight people said that they like going to such music events.

Grammar

1 Match the two parts to make complete sentences.

1 She writes her own songs.

a or we can stay at home to watch the final night of *Vietnam Idol*.

2 He participated in many talent competitions.

b so we decided to walk to the stadium.

3 We can go to a live concert at City Theatre.

c and they always have deep meanings.

4 The traffic was really bad.

d but the judges never liked his songs.

2 There is a mistake in each sentence below. Find the mistake and correct it.

1. She asked him attend the school performance. _____

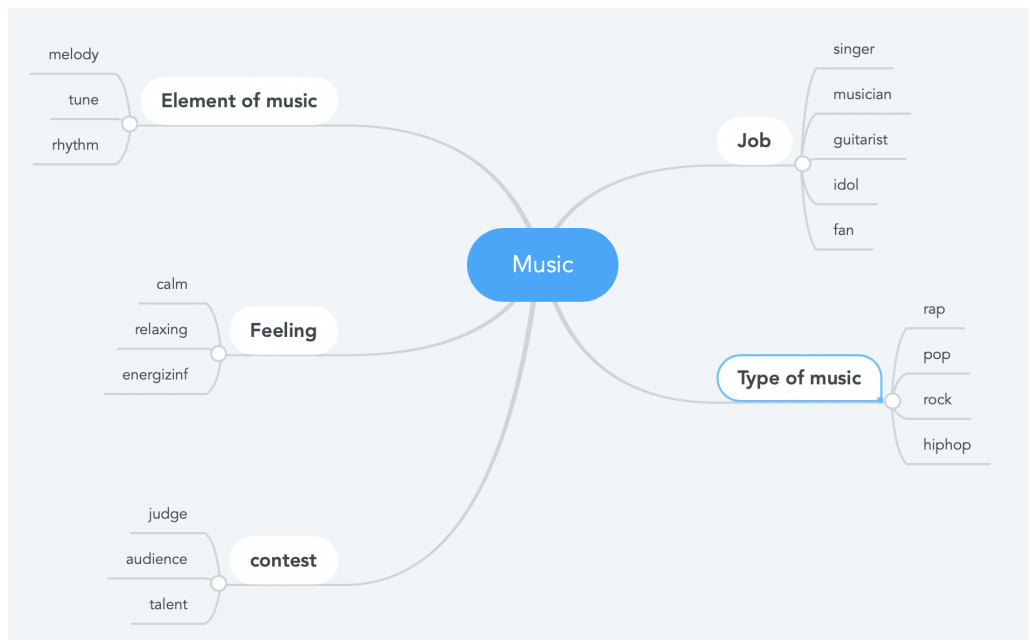
2. Don't let her to go to the music festival! _____

3. Their parents will never agree buy that expensive piano. _____

4. To develop her musical talent, her father made her to sing at family gatherings. _____

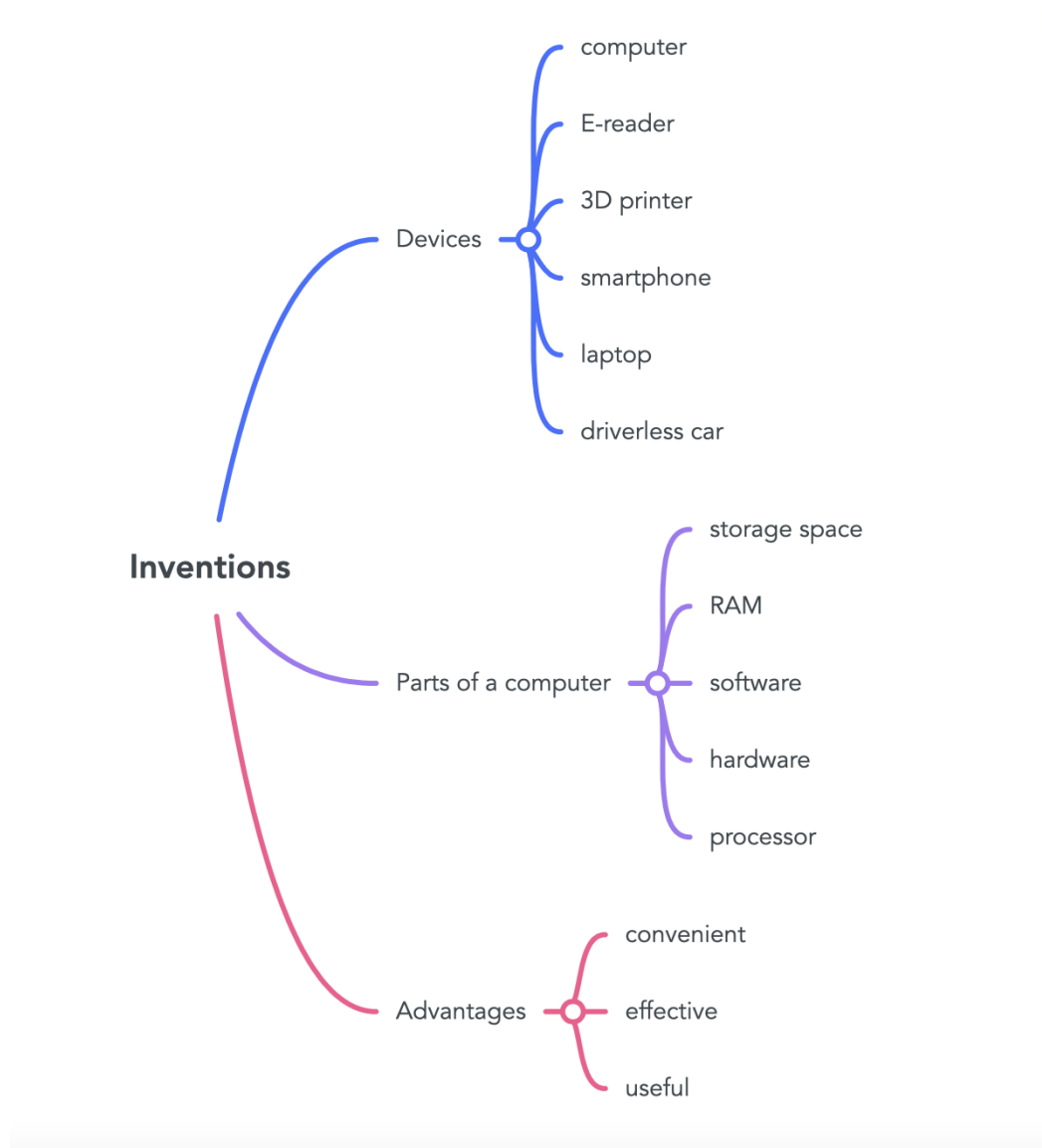
Hình 3: SGK Tiếng Anh 10 Unit 3

Đối với **Unit 3: Music** trong SGK Tiếng Anh 10, trong buổi học **Looking back**, có thể thấy bài tập ôn tập phần từ vựng của unit trong SGK là một bài tập điền từ khá đơn giản và chưa thực sự bao quát cho phần từ vựng học sinh đã học trong unit đó. Để có thể hệ thống lại từ vựng liên quan đến chủ đề mà học sinh đã học, tôi đã tổ chức hoạt động vẽ sơ đồ ngữ nghĩa. Xuất phát với từ khóa *music*, tôi yêu cầu học sinh nghĩ ra càng nhiều từ càng tốt có liên quan đến chủ đề cụ thể này, trong khi đó tôi sẽ viết những từ được đề cập lên bảng đen của lớp. Bên cạnh những từ đã học trong unit 3, học sinh cũng nghĩ ra một số từ khác như *pop music*, *singer*, *K-pop*, *song*, *rap*, *album* và nhiều từ khác nữa. Sau đó, tôi đã hướng dẫn học sinh tự phân loại các từ mà các em đã liệt kê trên một tờ giấy nhỏ hoặc theo cặp. Học sinh tiếp theo sẽ chia sẻ cách phân loại nhóm từ của mình cho cả lớp. Tôi sau đó viết từ vựng lên bảng theo danh mục. Cuối cùng, lớp sẽ đặt tên thích hợp cho từng loại. Ở đây lớp đã có những danh mục như *type of music*, *element of music*, *contest*, *job* hoặc *feeling*.



Hình 4: Sơ đồ ngữ nghĩa của Topic Music

Tương tự, tôi cũng đã ứng dụng hoạt động này cho các tiết học **Looking back** của *Unit 5: Inventions*. Tôi bắt đầu sơ đồ với chính tên của unit là *Inventions*. Học sinh nghĩ ra nhiều từ vựng như *laptop*, *e-reader*, *smartphone*, *effective*, hoặc *install*. Tiếp đó, tôi hướng dẫn học sinh tự phân loại các từ mà các em đã liệt kê trên một tờ giấy nhỏ hoặc theo cặp và gọi đại diện các em lên trình bày. Tôi sau đó viết từ vựng lên bảng theo danh mục như *devices*, *advantages*, và *parts of a computer*.



Hình 5: Sơ đồ ngữ nghĩa của Topic Inventions

3.5. Ứng dụng sơ đồ ngữ nghĩa trong quá trình trước và sau khi đọc

Lập sơ đồ ngữ nghĩa đã được chứng minh là một giải pháp thay thế tuyệt vời cho các hoạt động thông thường được thực hiện ở cả giai đoạn trước và sau khi đọc, ngoài ra còn có hiệu quả đối với việc phát triển vốn từ vựng (Heimlich và Pittelman, 1986: 6). Trong hoạt động này, học sinh làm việc với từ khóa và sử dụng kiến thức hiện có của mình để nghĩ ra càng nhiều từ càng tốt trước khi đọc một đoạn văn nhất định. Sau khi đọc bài đọc, học sinh có thể bổ sung thêm từ vựng từ bài đọc và các danh mục mới vào sơ đồ. Sơ đồ ngữ nghĩa là một phương pháp thành công cho việc giảng dạy trước và sau khi đọc, điều đã được điều chỉnh thành công cho việc giảng dạy nội dung. Phương pháp này hiệu quả với cả bài đọc cơ bản và các bài đọc khác.

GETTING STARTED

Household chores

Listen and read.

Nam: Hello?

Mr Long: Hello, Nam? This is Uncle Long. Is your dad there? I'd like to ask him out for a game of tennis.

Nam: Well, I'm afraid he can't go out with you now. He's preparing dinner.

Mr Long: Is he? Where's your mum? Doesn't she cook?

Nam: Oh, yes. My mum usually does the cooking, but she's working late today.

Mr Long: How about your sister and you? Do you help with the housework?

Nam: Yes, we do. In my family, everybody shares the household duties. Today my sister can't help with the cooking. She's studying for exams.

Mr Long: I see. So how do you divide household chores in your family?

Nam: Well, both my parents work, so we split the chores equally - my mother cooks and shops for groceries, my father cleans the house and does the heavy lifting, my sister does all the laundry, and I do the washing-up and take out the rubbish.

This unit includes:

LANGUAGE

Vocabulary
Words and phrases related to household chores and duties

Pronunciation
/tr/, /kr/ and /br/

Grammar
The present simple vs. the present continuous

SKILLS

- Reading about the benefits of sharing housework
- Exchanging opinions about household chores
- Listening to a TV programme about the roles of family members
- Writing about doing household chores in the family

COMMUNICATION AND CULTURE
Family life in different cultures

Mr Long: Really? It's different in my family. My wife handles most of the chores around the house and I'm responsible for the household finances. She's the homemaker and I'm the breadwinner. Anyway, I have to go now. Tell your dad I called. Bye.

Nam: Oh yes, I will. Bye, Uncle Long.



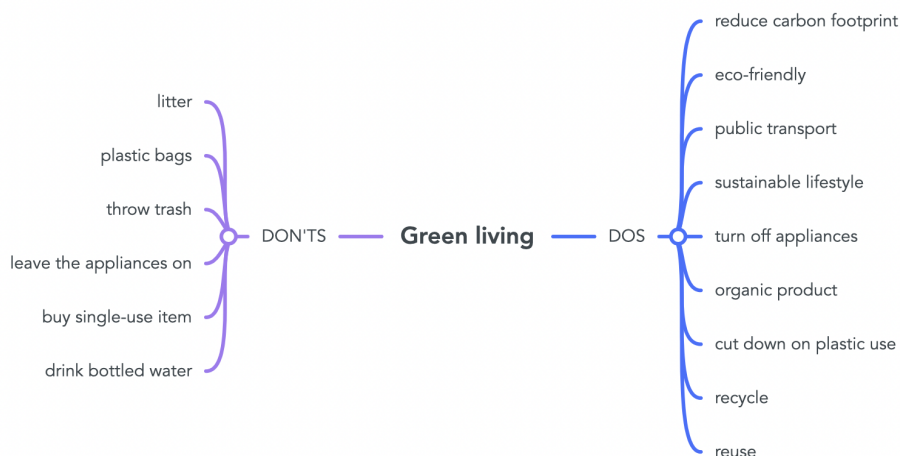
Hình 6: SGK Tiếng Anh 10 Unit 1

Ví dụ, liên quan đến ứng dụng của phương pháp này, tôi đã áp dụng sơ đồ ngữ nghĩa vào bài học **Getting started** của **Unit 1: Family life** của SGK Tiếng Anh 10. Đầu tiên, tôi bắt đầu với khái niệm chính là *Household chores*. Sau đó, tôi hướng dẫn học sinh nghĩ về các từ liên quan đến chủ đề mà các em biết, chẳng hạn như *cooking*, *cleaning*, *washing dishes* hoặc *washing the clothes*. Tiếp theo, tôi cho học sinh đọc đoạn hội thoại theo cặp và sau khi học sinh đọc xong, học sinh sẽ gạch chân những từ liên quan đến chủ đề của sơ đồ ngữ nghĩa và chia sẻ những từ này cho cả lớp. Một số từ liên quan đó là *share the household duties*, *shop for groceries*, *take out the rubbish*, *do the laundry*, *homemaker*, hoặc *breadwinner*. Trong bước tiếp theo, tôi hướng dẫn học sinh nhóm các từ mà họ đã liệt kê và đặt tên cho các loại này. Tôi đồng thời viết các từ theo danh mục lên bảng. Các nhóm mà lớp nghĩ ra đó là *activities* và *family roles*.



Hình 7: Sơ đồ ngữ nghĩa cho chủ đề Household chores

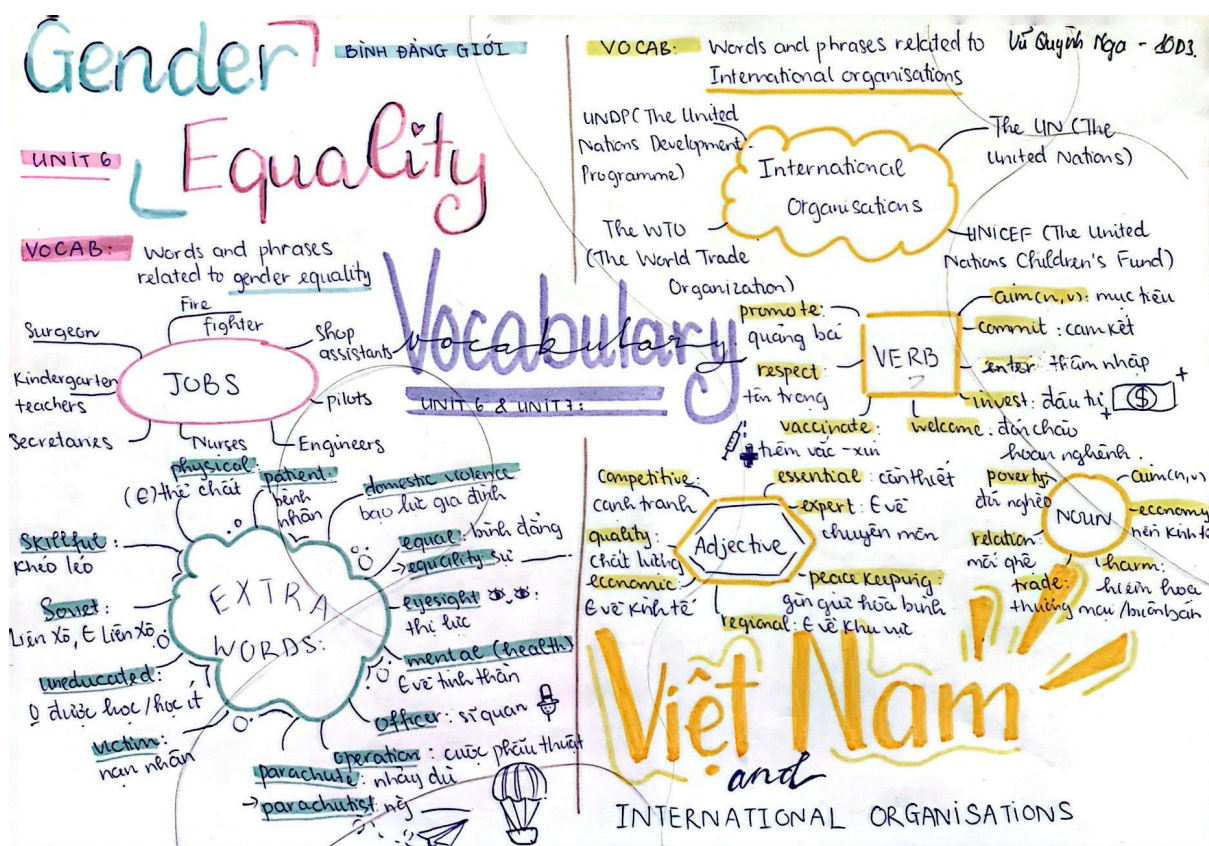
Tôi cũng áp dụng phương pháp cho tiết học Reading của **Unit 2: Humans and the environment**. Trong tiết học này các em được đọc bài đọc chủ đề *Lối sống xanh*. Ở bước đầu tiên, tôi vẽ lên bảng chủ đề chính là *Green living*. Sau đó, tôi hướng dẫn học sinh nghĩ về các từ liên quan đến chủ đề mà các em biết, chẳng hạn như *reduce carbon footprint*, *litter*, *eco-friendly*, *public transport*, và *plastic bags*. Tiếp theo, tôi cho học sinh đọc bài đọc và sau khi học sinh đọc xong, học sinh sẽ gạch chân những từ liên quan đến chủ đề của sơ đồ ngữ nghĩa và chia sẻ những từ này cho cả lớp. Một số từ liên quan đó là *sustainable lifestyle*, *turn off appliances*, *organic product*, *cut down on plastic use*, *recycle*, hoặc *reuse*. Trong bước tiếp theo, tôi hướng dẫn học sinh nhóm các từ mà họ đã liệt kê và đặt tên cho các loại này. Tôi đồng thời viết các từ theo danh mục lên bảng. Các nhóm mà lớp nghĩ ra đó là *dos* và *don'ts*.

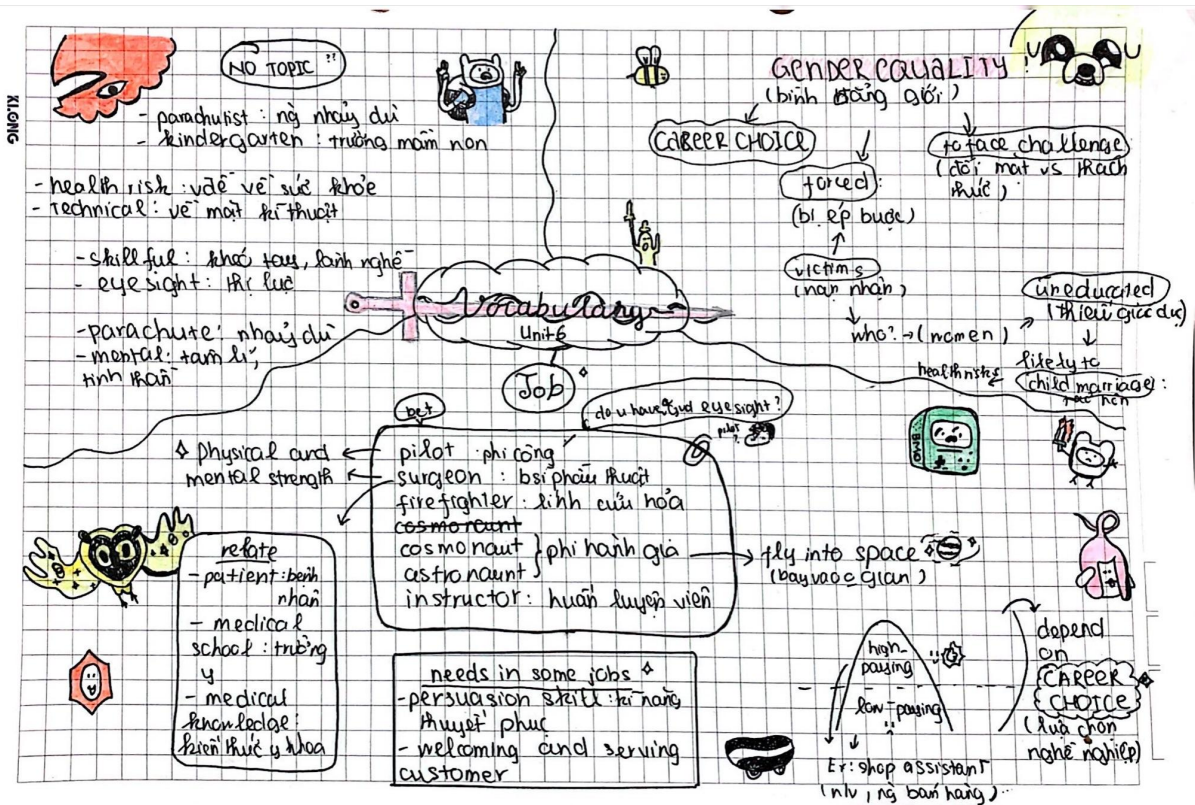


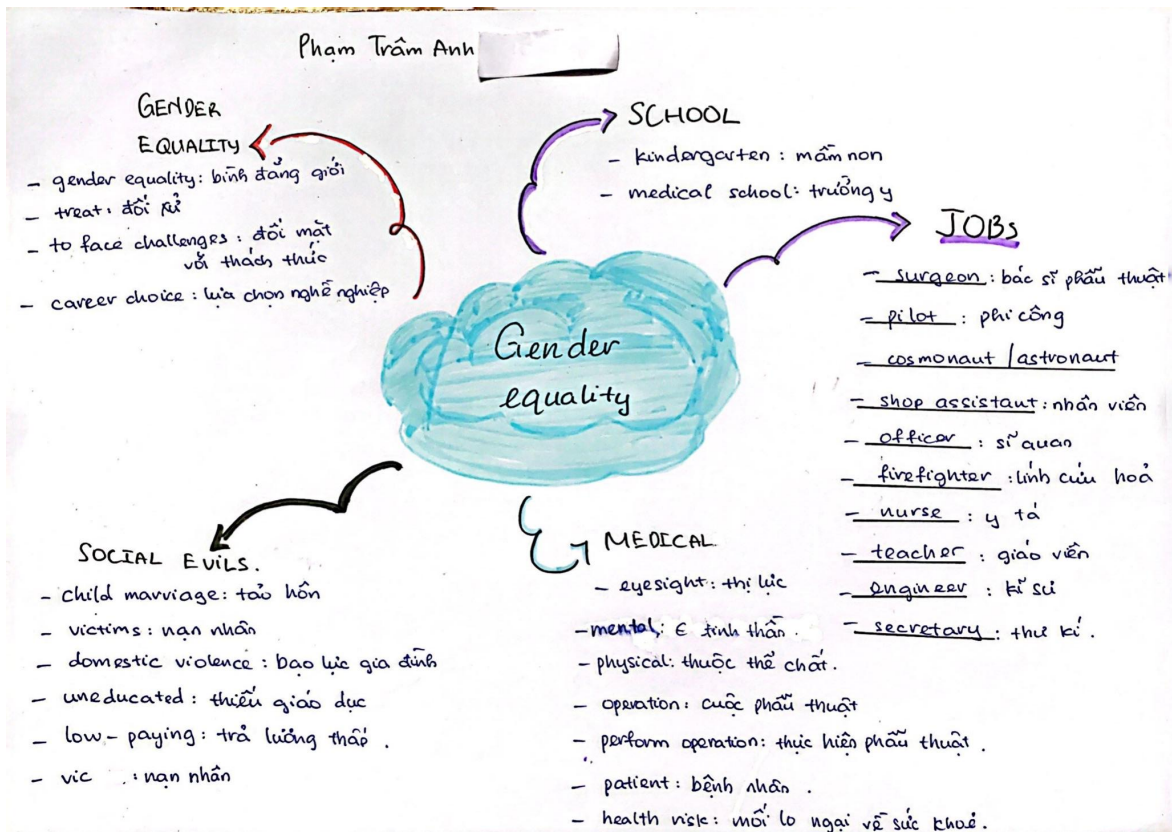
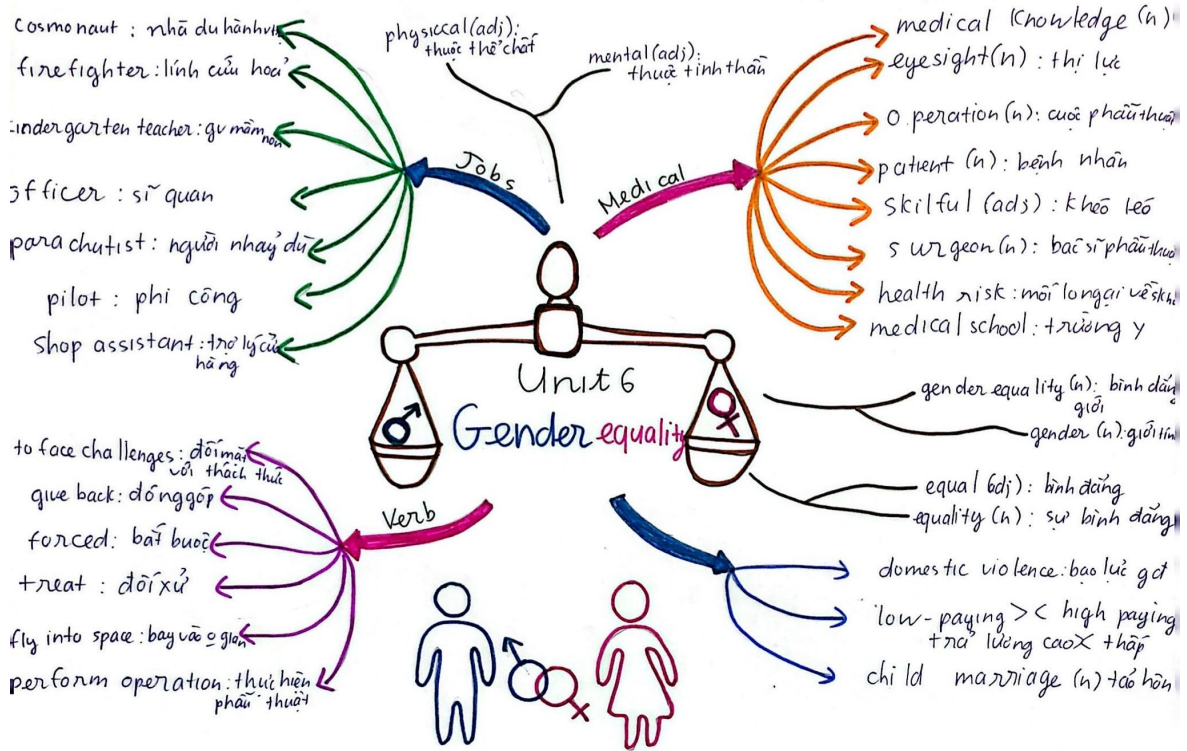
Hình 8: Sơ đồ ngữ nghĩa cho chủ đề Green living

3.6. Ứng dụng sơ đồ ngữ nghĩa vào việc ôn tập từ vựng tại nhà

Giáo viên cũng có thể giao bài tập về nhà với nội dung vẽ sơ đồ ngữ nghĩa tổng hợp từ vựng theo từng unit theo hình thức cá nhân hoặc theo nhóm cho học sinh. Với dạng bài tập này, học sinh vừa có thể ôn tập hệ thống lại những từ vựng các em được học trong một unit cũng như thể hiện khả năng sáng tạo của bản thân. Tôi cũng đã áp dụng thành công được phương pháp này với học sinh của lớp mình. Tôi đã giao bài tập về nhà vẽ sơ đồ tư duy hệ thống từ vựng cho Unit 6: Gender Equality và Unit 7: Vietnam and international organisations. Dưới đây là một vài sơ đồ mà các em học sinh lớp 10D3 trường THPT Xuân Đình đã thực hiện:







Hình 9: Sơ đồ ngữ nghĩa thực hiện bởi học sinh

4. Đánh giá thực nghiệm sư phạm

Sơ đồ ngữ nghĩa có thể mang lại nhiều lợi ích cho việc dạy và học từ vựng. Qua quá trình áp dụng, tôi nhận thấy nhờ sơ đồ ngữ nghĩa, các từ được trình bày trực quan trong mối quan hệ với các từ khác theo cách hợp lý và có cấu trúc, vì vậy học sinh có thể dễ dàng hiểu và ghi nhớ các từ. Khả năng ghi nhớ từ thuận lợi hơn diễn ra do các tín hiệu truy xuất, đó chính là những từ và ý tưởng mà người học đã biết trước đây để hỗ trợ họ liên kết nghĩa với những từ mà họ không biết. Nói cách khác, học sinh cần nhớ lại những từ mà các em đã học trong kho từ vựng của mình để hiểu những từ mới. Điều này thúc đẩy việc xử lý ngữ nghĩa ở mức độ sâu, dẫn đến khả năng hiểu và nhớ từ tốt hơn. Ngoài ra, giống như Nikijuluw (2017), tôi nhận thấy sơ đồ ngữ nghĩa mang đến cho học sinh cơ hội để sử dụng kiến thức từ vựng trước đây của các em, vì vậy các em cảm thấy an tâm và chuẩn bị sẵn sàng hơn, từ đó học sinh có thể tham gia tích cực hơn vào lớp học cũng như tích cực hơn trong quá trình học tập. Điều này có khả năng làm giảm sự nhàm chán trong lớp học và giúp học sinh cảm thấy có động lực hơn để học từ vựng mới, tất cả là nhờ sự kết hợp của sơ đồ ngữ nghĩa trong việc giảng dạy từ vựng.

Đối với bản thân tôi là một giáo viên, sơ đồ ngữ nghĩa cũng mang lại lợi ích. Phương pháp này cung cấp cho tôi sự đánh giá về kiến thức sẵn có của học sinh hoặc sự sẵn có của sơ đồ về chủ đề được chọn. Bằng cách này, tôi có thể nắm bắt tốt hơn về khả năng học tập của học sinh và có thể áp dụng các phương pháp giảng dạy khác nhau để giúp học sinh tiến bộ. Và điểm kiểm tra của lớp bài 15' ở Unit mà tôi áp dụng sáng kiến nhìn chung là cao hơn rất nhiều so với Unit mà tôi chưa áp dụng sáng kiến.

Bảng 2: Kết quả bài kiểm tra 15' Unit 3 lớp 10D3 năm học 2022-2023.

Lớp	Sĩ số (HS)	Đạt giỏi		Đạt khá		Đạt trung bình	
		Số bài	Tỉ lệ %	Số bài	Tỉ lệ %	Số bài	Tỉ lệ %
10D3	46	37	80.4%	9	19.6%	0	0

Bảng 3: Kết quả bài kiểm tra 15' Unit 4 lớp 10D3 năm học 2022-2023.**(Tuần học tôi không ứng dụng sáng kiến kinh nghiệm của mình)**

Lớp	Sĩ số (HS)	Đạt giỏi		Đạt khá		Đạt trung bình	
		Số bài	Tỉ lệ %	Số bài	Tỉ lệ %	Số bài	Tỉ lệ %
10D3	46	25	54.3%	19	41.3%	2	4.4%

Mặc dù lợi ích của sơ đồ ngữ nghĩa là rất lớn, nhưng nó cũng có một số nhược điểm mà tôi nhận thấy giáo viên cần xem xét khi sử dụng kỹ thuật này để dạy từ vựng. Thứ nhất, việc sử dụng quá nhiều sơ đồ ngữ nghĩa có thể khiến học sinh bị quá tải. Cụ thể hơn, tôi nhận thấy khi yêu cầu học sinh đưa ra những từ liên quan đến sơ đồ từ, học sinh có khả năng nghĩ ra quá nhiều từ mới hoặc những từ ít được sử dụng. Điều này có thể bất lợi cho học sinh, đặc biệt là những em ở trình độ thấp, vì một số lượng lớn từ cần xử lý cùng một lúc có khả năng khiến họ bị choáng ngợp, cản trở khả năng ghi nhớ từ. Thứ hai, từ vựng trong tiếng Anh có tính chất phức tạp, vì vậy cần chú ý đến ba khía cạnh liên quan đến từ vựng là hình thái, ý nghĩa và cách sử dụng. Hơn nữa, các lớp nghĩa liên quan đến gốc của các từ riêng lẻ cũng góp phần tạo nên sự phức tạp này (Schmitt & Meara, 2010). Chỉ với sơ đồ ngữ nghĩa, tôi nhận thấy khó có thể giải thích hết các khía cạnh, tầng nghĩa cho học sinh.

PHẦN 3: KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Việc dạy từ vựng có ý nghĩa quan trọng trong việc dạy và học tiếng Anh, vì vậy giáo viên nên kết hợp các phương pháp giảng dạy đa dạng để giúp học sinh học và ôn tập từ vựng một cách hiệu quả. Một phương pháp nổi bật trong giảng dạy từ vựng là lập sơ đồ ngữ nghĩa, vì nó hỗ trợ khả năng ghi nhớ từ và tăng động lực học tập cho học sinh. Ngoài ra, phương pháp này hoạt động như một phương pháp đánh giá để giáo viên đánh giá kiến thức đã học trước đó của học sinh. Có ba cách liên quan đến việc áp dụng ánh xạ ngữ nghĩa có thể được sử dụng để phát triển vốn từ vựng theo chủ đề, giao bài tập về nhà hệ thống kiến thức cũng như phát triển từ vựng trong các giai đoạn trước và sau khi đọc. Tuy nhiên, giáo viên cần lưu ý những nhược điểm của sơ đồ ngữ nghĩa, đó là quá tải từ vựng, tính chất phức tạp của từ vựng và sự giao thoa giữa các từ, để triển khai thành công hoạt động này trong các bài học tiếng Anh.

2. Kiến nghị

- Nhà trường có thể tổ chức các cuộc thi với chủ đề vẽ sơ đồ ngữ nghĩa để thúc đẩy tinh thần học tập và sự sáng tạo của học sinh
- Mỗi năm Sở Giáo dục nên mở một khóa học bồi dưỡng kiến thức về các phương pháp giảng dạy từ vựng mới cho giáo viên
- Triển khai và ứng dụng các sáng kiến kinh nghiệm có tính khả thi cho toàn bộ giáo viên.

Trong quá trình làm SKKN này với kinh nghiệm ít ỏi và thời gian có hạn nên chắc chắn không tránh khỏi những sai sót. Tôi rất mong nhận được sự góp ý để SKKN của tôi được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của các đồng nghiệp đã giúp tôi hoàn thành SKKN này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Alali, F. A., & Schmitt, N. (2012). Teaching formulaic sequences: The same as or different from teaching single words?. *Tesol Journal*, 3(2), 153-180.
- Barcroft, J. (2004). Second language vocabulary acquisition: A lexical input processing approach. *Foreign Language Annals*, 37(2), 200-208.
- Basurto, I. (2004). *Teaching vocabulary creatively*. In G.E. Tompkins & C.L. Blanchfield (Eds.). *Teaching vocabulary: 50 creative strategies, grades K–12* (pp. 1-4). Upper Saddle River, NJ: Pearson Education.
- Brown, H. D. (2001). *Teaching by principles: An interactive approach to language pedagogy* (2 ed.). Pearson Education.
- Cameron, L. (2001). *Teaching languages to young learners*. Cambridge university press.
- Gunning, T. G. (1996). *Creating reading instruction for all children*. Allyn and Bacon, Order Processing, PO Box 11071, Des Moines, IA 50336-1071.
- Harmon, J. M., Wood, K. D., & Keser, K. (2009) *Promoting vocabulary learning with interactive word wall*. *Middle School Journal*, 40(3), 58-63.
- Hoang, V. V., Phan, H., Hoang, T. H. H, Hoang, T. X. H., Kieu, T. T. H., Vu, T. L., Dao, N. L., Chung, T. Q. (2014). *Tieng Anh 10*. Ha Noi: Publish House of Education
- Hornby, AS. (1995), *Oxford Advanced Learners Dictionary of Current English*, Oxford University Press, London.
- Johnson, D.D., Pearson, P.D. (1984). *Teaching Reading Vocabulary*(2nd Ed.). New York: Holt, Rinehart Winston.
- Johnson, D. D., Pittelman, S. D., & Heimlich, J. E. (1986). Semantic mapping. *The reading teacher*, 39(8), 778-783.
- Lewis, M. (1993). *The lexical approach* (Vol. 1, p. 993). Hove: Language teaching publications.

Linse, C. T., & Nunan, D. (2005). Practical English language teaching. *Young Learners*, (McGrawHill, 2006), 47.

Nation, I.S.P. (1990), Teaching and Learning Vocabulary, Newbury House, New York.

Nation, I. S. P. (2001). *Learning vocabulary in another language* (Vol. 10). Cambridge: Cambridge university press.

Nikijuluw, R. C. V. (2017, August). Enriching Students' Vocabulary by Implementing Semantic Mapping Strategy at the Tenth Grade of SMK Negeri 1 Ambon. In *International Conference on English Language Teaching (ICONELT 2017)*(pp. 195-200). Atlantis Press.

Sinatra, R. C., Stahl-Gemake, J., & Berg, D. N. (1984). Improving reading comprehension of disabled readers through semantic mapping. *The Reading Teacher*, 38(1), 22-29.

Stoller, F., & Grabe, W. (1993). Implications for L2 vocabulary acquisition and instruction from L1 vocabulary research. *Second language reading and vocabulary learning*, 24-45.

Ur, P. (1996). Teaching vocabulary. *A course in language teaching: practice and theory*.

Wilkins, D. A. (1972). *Linguistics in language teaching* (Vol. 111). London: Edward Arnold.